

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN
DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA

TOÁN **3**

BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI GIỚI THIỆU	4
<i>Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</i>	5
I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 3	5
1. Mục tiêu dạy học	5
2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các nội dung giáo dục	10
3. Phương pháp dạy học	10
4. Đánh giá kết quả học tập	11
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3 (CÁNH DIỀU)	11
1. Một số đặc điểm chung	11
2. Một số điểm mới của SGK Toán 3 (Cánh Diều)	13
3. Dự kiến Khung phân phối Chương trình Toán 3 (Cánh Diều)	20
III. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3 (CÁNH DIỀU)	25
1. Hệ thống sách và các tài liệu tham khảo bổ trợ (in giấy)	25
2. Tài liệu tham khảo thiết yếu (in giấy)	25
3. Thiết bị và đồ dùng dạy học	26
4. Học liệu điện tử	26
<i>Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3 (CÁNH DIỀU)</i>	27
I. GIỚI THIỆU CHUNG	27
II. BÀI SOẠN MINH HOẠ	28

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

HS: Học sinh

GV: Giáo viên

SGK: Sách giáo khoa

SGV: Sách giáo viên

VBT: Vở bài tập

VD: Ví dụ

PPDH: Phương pháp dạy học

HĐ: Hoạt động

NL: Năng lực

PPCT: Phân phối Chương trình

CT: Chương trình

LỜI GIỚI THIỆU

Sách giáo khoa Toán 3 (Cánh Diều) là tài liệu học tập môn Toán dành cho học sinh lớp 3, thực hiện theo “*Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – môn Toán lớp 3*”. Đây là cơ sở để giáo viên tiến hành dạy học (lập kế hoạch cho từng bài hoặc cho cả năm học) và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán lớp 3 của học sinh.

Cuốn ***Tài liệu tập huấn giáo viên dạy học theo sách giáo khoa Toán 3 (Cánh Diều)*** có mục tiêu giúp giáo viên:

- Có hiểu biết khái quát về Chương trình môn Toán lớp 3 bao gồm: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học môn Toán lớp 3.

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học (trong đó có đổi mới việc soạn bài dạy học) và đổi mới đánh giá kết quả học tập.

- Giới thiệu quy trình và kỹ thuật soạn bài dạy học (thông qua việc giới thiệu một số bài soạn có tính chất tham khảo) đáp ứng yêu cầu dạy học hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh lớp 3.

Cuốn tài liệu này gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung

Phần thứ hai. Hướng dẫn soạn bài dạy học theo sách giáo khoa Toán 3 (Cánh Diều).

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 3

1. Mục tiêu dạy học

- Bước đầu hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực toán học ở mức độ phù hợp với học sinh (HS) lớp 3.
- Giúp HS đạt được các yêu cầu cơ bản thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<i>Số tự nhiên</i>		
Số tự nhiên	<i>Số và cấu tạo thập phân của một số</i>	<ul style="list-style-type: none">– Đọc, viết được các số trong phạm vi 10 000; trong phạm vi 100 000.– Nhận biết được số tròn nghìn, tròn mười nghìn.– Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số.– Nhận biết được chữ số La Mã và viết được các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.
	<i>So sánh các số</i>	<ul style="list-style-type: none">– Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 100 000.– Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).– Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
	<i>Làm tròn số</i>	Làm quen với việc làm tròn số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn (ví dụ: làm tròn số 1 234 đến hàng chục thì được số 1 230).
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	<ul style="list-style-type: none">– Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng và mối quan hệ giữa phép cộng với phép trừ trong thực hành tính.
	<i>Phép nhân, phép chia</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được các bảng nhân, bảng chia 2, 3, ..., 9 trong thực hành tính. – Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). – Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số. – Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư. – Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính.
	<i>Tính nhẩm</i>	Thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
	<i>Biểu thức số</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Làm quen với biểu thức số. – Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc. – Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước. – Xác định được thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học</i>	Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính; liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; liên quan đến các mối quan hệ so sánh trực tiếp và đơn giản (chẳng hạn: gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Phân số		
Phân số	<i>Làm quen với phân số</i>	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được về $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \dots; \frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan. Xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \dots; \frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc chia thành các phần đều nhau.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. Nhận biết được góc, góc vuông, góc không vuông. Nhận biết được tam giác, tứ giác. Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn. Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
	<i>Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học</i>	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được việc vẽ góc vuông, đường tròn, vẽ trang trí. Sử dụng được ê ke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn. Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được “diện tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể. Nhận biết được đơn vị đo diện tích: cm^2 (xăng-ti-mét vuông).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được đơn vị đo độ dài: mm (mi-li-mét); quan hệ giữa các đơn vị m, dm, cm và mm. – Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: g (gam); quan hệ giữa g và kg. – Nhận biết được đơn vị đo dung tích: ml (mi-li-lít); quan hệ giữa l và ml. – Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$). – Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100 000 đồng); nhận biết được tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu học sinh đọc, viết số chỉ mệnh giá). – Nhận biết được tháng trong năm.
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét, nhiệt kế, ...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. – Đọc được giờ chính xác đến 5 phút và từng phút trên đồng hồ.
	<i>Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2); khối lượng (g, kg); dung tích (ml, l); thời gian (phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm); tiền Việt Nam đã học. – Tính được chu vi của hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh. – Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông. – Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cân nặng của một con gà khoảng 2 kg, ...). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.
	<i>Đọc, mô tả bảng số liệu</i>	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.
	<i>Nhận xét về các số liệu trong bảng</i>	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	<i>Nhận biết và mô tả các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện</i>	Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản (ví dụ: nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu khi tung một lần; nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với màu của quả bóng lấy ra từ hộp kín đựng các quả bóng có hai màu xanh hoặc đỏ; ...).
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM		
<p>Nhà trường tổ chức cho học sinh một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể.</p> <p><i>Hoạt động 1:</i> Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng như: thực hành tính và ước lượng chu vi, diện tích của một số hình phẳng trong thực tế liên quan đến các hình phẳng đã được học; thực hành đo, cân, đong và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích, nhiệt độ, ... – Thực hành thu thập, phân loại, sắp xếp số liệu thống kê (theo các tiêu chí cho trước) về một số đối tượng thống kê trong trường, lớp. <p><i>Hoạt động 2:</i> Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (ví dụ: trò chơi học Toán hoặc các hoạt động “Học vui – Vui học”; trò chơi liên quan đến mua bán, trao đổi hàng hoá; lắp ghép, gấp, xếp hình; tung đồng xu, xúc xắc, ...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức toán.</p>		

2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng cho môn Toán lớp 3: 5 tiết/tuần \times 35 tuần = 175 tiết.

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung môn Toán lớp 3:

Mạch kiến thức	Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Thống kê và Xác suất	Hoạt động thực hành và trải nghiệm
Thời lượng	70%	22%	3%	5%

Một số vấn đề cần lưu ý:

- Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất số tiết của mỗi bài sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.
- Nên bố trí một số tiết dự phòng (so với tổng số tiết quy định trong Chương trình (CT) cả năm) để giáo viên (GV) có thể sử dụng cho giờ kiểm tra, bổ sung tiết cho những bài khó, bài dài hoặc dự phòng để bù giờ.
- Tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng bài, từng chủ đề và mạch kiến thức đề xuất với Hiệu trưởng quyết định xếp thời khoá biểu sao cho hợp lí.

3. Phương pháp dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học vẫn là điểm nhấn chủ yếu nhất trong đổi mới CT môn Toán, trong đó cần chú ý các yêu cầu:

- Tổ chức quá trình dạy học phù hợp với tiến trình nhận thức, NL nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS. Tiến trình đó bao gồm các bước chủ yếu:

Trải nghiệm – Hình thành kiến thức mới – Thực hành, luyện tập – Vận dụng.

Kết hợp các HĐ dạy học trong lớp với HĐ ngoài giờ chính khoá và HĐ thực hành trải nghiệm, ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống.

- Quá trình dạy học Toán 3 là một quá trình linh hoạt và có tính “mở”. GV cần căn cứ vào đặc điểm của HS, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường để chủ động lựa chọn hay tiến hành những điều chỉnh hoặc bổ sung cụ thể về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tuy nhiên, việc điều chỉnh phải trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT môn Toán (với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, trọng tâm trong mỗi bài học); nội dung điều chỉnh phải phù hợp với thực tế đời sống, với truyền thống văn hoá của cộng đồng dân cư nơi HS sinh sống, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học. Giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục

đảm bảo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và NL của GV, HS. Vì vậy, trong trường hợp cần dẫn hoặc thu gọn thời lượng dạy học, GV có thể căn cứ tình hình cụ thể để chủ động điều chỉnh cho phù hợp, miễn sao đảm bảo được mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

4. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá NL người học thông qua các bằng chứng thể hiện kết quả đạt được trong quá trình học tập. Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, ...) và vào những thời điểm thích hợp.

Với mỗi bài học, mỗi đơn vị kiến thức, nên giao cho HS những mục tiêu và nhiệm vụ học tập cụ thể. Có thể điều chỉnh các nhiệm vụ học tập nêu trong SGK để phù hợp với nhịp độ tiếp thu và trình độ nhận thức của HS.

Khi kết thúc một chủ đề, GV có thể tổ chức kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của HS và điều chỉnh cách dạy của mình.

II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3 (CÁNH DIỀU)

1. Một số đặc điểm chung

Quán triệt tinh thần dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập tích cực (với sự trợ giúp, hướng dẫn hợp lí của GV), đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của HS:

1.1. Sách được phân chia thành 4 chủ đề:

Chủ đề 1: Bảng nhân, bảng chia;

Chủ đề 2: Nhân, chia các số trong phạm vi 1 000;

Chủ đề 3: Các số trong phạm vi 100 000;

Chủ đề 4: Cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.

Mỗi chủ đề bắt đầu bằng một tranh vẽ mô tả một tình huống nhằm khơi gợi ở HS sự tò mò, kích thích hứng thú học tập. Tên gọi của mỗi chủ đề nêu rõ những kiến thức kĩ năng trọng tâm được đề cập trong chủ đề.

1.2. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ đề được phân chia thành các bài học. Điểm nhấn ở đây là mỗi bài học được tổ chức thành một chuỗi các hoạt động học tập của HS, sắp xếp theo tiến trình hướng đến việc khám phá, phát hiện, thực hành, vận dụng những kiến thức, kĩ năng trọng tâm của bài học, phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực của HS lớp 3. Vì vậy, cấu trúc mỗi bài học bao gồm các thành phần cơ bản: *Mở đầu; Hình thành kiến thức mới; Luyện tập, thực hành; Vận dụng, trải nghiệm.*

* *Mở đầu*: Mục đích của hoạt động này là *tạo tâm thế*, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập. GV không nên thông báo ngay các kiến thức có sẵn mà cần tạo ra các tình huống gợi vấn đề để HS huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân suy nghĩ tìm hướng giải quyết. Các câu hỏi/nhiệm vụ trong hoạt động này được thiết kế dựa trên mục tiêu bài học và vốn kiến thức đã có của HS, sẽ tạo ra một “kênh dẫn nhập” giúp HS hứng thú học tập, khám phá, tìm hiểu kiến thức mới.

* *Hình thành kiến thức mới*: Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS *chiếm lĩnh* được kiến thức, kĩ năng mới và đưa các kiến thức, kĩ năng mới vào hệ thống kiến thức, kĩ năng của bản thân. GV giúp HS biết huy động kiến thức, chia sẻ và hợp tác trong học tập để xây dựng được kiến thức mới. Kết thúc hoạt động này, GV là người chuẩn hoá (chốt lại) kiến thức cho HS ghi nhận và vận dụng.

* *Luyện tập, thực hành*: Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS *củng cố, hoàn thiện* kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội và huy động, liên kết với kiến thức đã có để áp dụng vào giải quyết vấn đề. Kết thúc hoạt động này, nếu cần, GV có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết vấn đề để HS ghi nhận và vận dụng.

* *Vận dụng, trải nghiệm*: Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề có tính chất thực tiễn hoặc đưa ra yêu cầu hay dự án học tập nhỏ để HS thực hiện theo hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. Có thể tổ chức hoạt động này ngoài giờ học chính khoá. Ngoài ra, GV nên khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức, tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Trong từng bài học, SGK Toán 3 thiết kế nhiều dạng câu hỏi, bài tập hoặc hoạt động có tác dụng kích thích hứng thú và phát triển năng lực học tập môn Toán một cách sáng tạo cho HS. Những hoạt động/bài tập được gắn kí hiệu màu xanh hoặc màu da cam. Kí hiệu màu xanh nói rằng hoạt động/bài tập thuộc loại thực hành, luyện tập, củng cố trực tiếp. Còn màu da cam thuộc loại vận dụng giải quyết vấn đề thực tế hoặc mang tính chất thực tế. Ở mỗi bài học, khi cần thiết có đưa thêm các “bóng nói” hoặc các kí hiệu bằng hình vẽ, nhằm gợi ý, hướng dẫn HS suy nghĩ giải quyết vấn đề hoặc trao đổi thảo luận với các bạn, các thầy cô giáo. Cuối mỗi bài học, thông qua một tình huống gần gũi với thực tế đời sống, HS làm quen với việc vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Ngoài ra, HS còn được tạo cơ hội tham gia trả lời các câu hỏi và ứng đáp với các tình huống thách thức hơn nhằm phát triển tư duy, khả năng sáng tạo và đáp ứng nhu cầu dạy học phân hoá.

Hầu hết các bài học trong SGK Toán 3 đều được thiết kế theo hướng kết nối giữa các hoạt động học lí thuyết với các hoạt động thực hành, luyện tập, ôn tập. Điều này giúp GV chủ động hơn trong bố trí thời gian thực hiện bài học và HS có cơ hội phát triển các năng lực toán học và tăng cường khả năng tích hợp các kiến thức, kĩ năng ngay trong cùng một bài học.

Đặc biệt, cuối mỗi chủ đề HS được dành thời gian tham gia các hoạt động thực hành và trải nghiệm thông qua bài “*Em vui học Toán*”. Các hoạt động này sẽ giúp GV tạo cơ hội để thực hiện tốt việc dạy học tích hợp, đồng thời giúp HS làm quen với việc thực hành, vận dụng kiến thức toán vào thực tiễn cuộc sống một cách sáng tạo.

2. Một số điểm mới của SGK Toán 3 (Cánh Diều)

2.1. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung và PPDH Toán 3 (Cánh Diều)

Phân tích một số điểm mới trong cấu trúc nội dung và yêu cầu cần đạt của SGK Toán 3:

STT	Tên chủ đề/ Bài học	Điểm mới trong cấu trúc nội dung
A. SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
2.1.	<i>Các số trong phạm vi 10 000, phạm vi 100 000</i>	<p>Củng cố, hoàn thiện tiến trình (quy trình) chung về cách hình thành và biểu diễn khái niệm số, không quá nhấn mạnh việc chia tách thành từng phân đoạn (vòng số thì mở rộng nhưng tiến trình là thống nhất). Cụ thể như sau:</p> <p>1/ Các số trong phạm vi 10 000:</p> <p>a) Đọc, viết các số tròn nghìn, số 10 000.</p> <p>b) Hình thành, đọc, viết các số có bốn chữ số với quy trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết số lượng đối tượng (đồ vật, ...) rồi hình thành số. Đọc số bằng lời, ví dụ “<i>Ba nghìn hai trăm năm mươi tư</i>”. Viết số bằng kí hiệu, ví dụ 3 254. Nhận biết khai triển theo hàng (số 3 254 gồm 3 nghìn 2 trăm 5 chục 4 đơn vị). Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số. <p>Ví dụ $3\,254 = 3\,000 + 200 + 50 + 4$.</p> <p>2/ Các số trong phạm vi 100 000:</p> <p>a) Đọc, viết các số tròn chục nghìn, số 100 000.</p> <p>b) Đếm, đọc, viết các số có năm chữ số với quy trình giống như đối với các số có bốn chữ số.</p>
	<i>So sánh, xếp thứ tự các số</i>	<ul style="list-style-type: none"> Việc so sánh và sắp thứ tự các số không giới thiệu xen kẽ trong từng phân đoạn hình thành số. Kế thừa cách “lập bảng phụ” để so sánh hai số như đã giới thiệu ở SGK Toán 2 nhưng với trường hợp “hai số có cùng số chữ số” yêu cầu ở mức độ cao hơn.
	<i>Làm tròn số</i>	<p>Làm quen với việc làm tròn số đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hàng chục thông qua quan sát vị trí các số trên tia số.

		<p>– <i>Hàng trăm</i> thông qua “chuyển di” kinh nghiệm từ việc làm tròn số đến hàng chục và chỉ xét với các ví dụ đơn giản.</p> <p>– <i>Hàng nghìn, hàng chục nghìn</i> tương tự như trên và chỉ xét các trường hợp đơn giản.</p>
2.2.	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	<p>Hoàn thiện kĩ thuật tính cộng, trừ với các số trong phạm vi 100 000 (không nhớ hoặc có nhớ), trong đó chú ý các nội dung:</p> <p>– Củng cố các thao tác “nền” khi cộng, trừ (có nhớ) theo “cột dọc”, cụ thể:</p> <p>+ Đặt tính và tính từ phải sang trái (cộng, trừ theo hàng).</p> <p>+ Khi “cộng dọc”, số cần nhớ được chuyển sang hàng liền kề bên trái và được cộng thêm vào sau khi đã cộng các chữ số đứng ở hàng này.</p> <p>+ Khi “trừ dọc”, số cần nhớ được chuyển vào số trừ (số đứng ở hàng dưới).</p> <p>– Cộng, trừ các số có nhiều chữ số cần chú ý các khó khăn của HS khi thực hiện các thao tác “kép”: vừa nhận biết các số lớn vừa thực hiện phép tính.</p> <p>– Chú ý cân đối cả yêu cầu tính nhẩm và sử dụng kĩ thuật tính viết theo “cột dọc”.</p>
2.3.	<i>Phép nhân, phép chia</i>	<p>1/ Thực hành tính thông qua các trường hợp:</p> <p>– Tính “trong bảng”: Ôn tập lại các bảng nhân (chia) 2, 5; Vận dụng các bảng nhân (chia) 3, 4, 6, 7, 8, 9 trong tính toán.</p> <p>– Tính “ngoài bảng”: Nhân với (chia cho) số có một chữ số.</p> <p>+ Chú ý rèn kĩ năng tính (cách tính), không nhấn mạnh việc phân chia theo dạng loại hình thức (có dư hay không có dư).</p> <p>+ Chú ý hình thành cho HS quy trình thao tác khi thực hành tính nhân, ví dụ, khi nhân với số có một chữ số thì: nhân từ phải sang trái; từ dưới lên; nhân lần lượt từng chữ số (cho đến hết). Trường hợp nhân (có nhớ) vẫn phải nhân trước rồi cộng có nhớ sau.</p> <p>+ Tương tự với hình thành cho HS quy trình thao tác khi thực hành tính chia đối với từng dạng cụ thể, ví dụ: làm quen với việc đặt tính và tính (chia – nhân – trừ – hạ); ghép cặp; thương có chữ số 0.</p> <p>2/ Nhận biết tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân thông qua các ví dụ cụ thể. Ví dụ: $7 \times 4 = 4 \times 7$.</p> <p>3/ Vận dụng được quan hệ nhân, chia trong lập bảng nhân hoặc chia và tính toán.</p> <p>4/ Thực hành tính nhẩm với việc sử dụng các bảng nhân, bảng chia đã học.</p> <p>5/ Thực hành nhân, chia gắn với số đo các đại lượng đã học.</p>

2.4.	<i>Biểu thức số</i>	<p>– Thực hành tính giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính không có dấu ngoặc hoặc có dấu ngoặc.</p> <p>– Chú ý:</p> <p>+ Ở đây HS lần đầu tiên làm quen với tính giá trị của các biểu thức có hai phép tính nhân, chia, ví dụ: $15 : 3 \times 2$; $12 \times 4 : 6$ hoặc có cả cộng, trừ, nhân, chia, ví dụ: $8 : 2 + 10$; $29 - 5 \times 4$.</p> <p>+ Đồng thời, học cách tính giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc:</p> <p>Ví dụ: $(16 + 20) : 4$; $84 - (19 - 15)$; $9 \times (73 - 65)$.</p> <p>Vì vậy, cần cung cấp dần cho HS các kĩ thuật cơ bản.</p>
2.5.	<i>Xác định thành phần chưa biết của phép tính</i>	<p>– Thực hành vận dụng các quy tắc xác định thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết.</p> <p>– Thực hành vận dụng quan hệ cộng – trừ; nhân – chia trong kiểm tra kết quả của phép tính.</p>
2.6.	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ, nhân, chia</i>	<p>– Thực hành giải toán:</p> <p>+ Liên quan đến ý nghĩa thực tế của các phép tính (cộng, trừ, nhân, chia).</p> <p>+ Liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính,</p> <p>+ Liên quan đến quan hệ so sánh như: bài toán về nhiều hơn, ít hơn, so sánh hơn kém, gấp (giảm) một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé.</p> <p>+ Bài toán có đến hai bước tính.</p> <p>– Tiếp tục củng cố, hoàn thiện kĩ năng “tiến trình” trong quá trình giải một bài toán có lời văn: Đọc (đề bài) – Hiểu (bài toán cho gì? Hỏi gì?) – Nghĩ (chọn phương án giải bài toán, trong đó lựa chọn phép tính giải phù hợp) – Nói (biểu đạt rõ ràng câu trả lời cho bài toán) – Viết bài trình bày (theo một định dạng thống nhất về lời giải của một bài toán có lời văn).</p>
B. HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
2.7.	<i>Hình phẳng và hình khối</i>	<p>1/ Các nội dung chủ yếu:</p> <p>– Làm quen với một số đối tượng cơ bản của hình phẳng và hình khối như: điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng; góc, góc vuông, góc không vuông; hình tam giác, hình tứ giác; một số yếu tố của khối lập phương, khối hộp chữ nhật (như đỉnh, cạnh, mặt).</p> <p>– Thực hành vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. Sử dụng được ê ke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn.</p>

		<p>2/ Điểm nhấn về phương pháp dạy học:</p> <p>Đi từ trực quan vật thật đến nhận dạng đặc điểm chung rồi hình thành biểu tượng, mô hình hình học.</p>
2.8.	<i>Đại lượng và đo đại lượng</i>	<p>1/ Các nội dung chủ yếu:</p> <p>Làm quen với ứng dụng của toán học trong đời sống hàng ngày thông qua thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành cân, đo, đong, đếm với các đơn vị đo đại lượng (mm, g, ml, nhiệt độ, tháng – năm). Đo diện tích với đơn vị đo cm^2. <p>Chú ý: Ở lớp 3, HS làm quen với thực hành cân, đo, đong, đếm các đồ vật bé, nhẹ, dung tích nhỏ; Tính diện tích các vật nhỏ như diện tích mặt bàn, quyển sách (ứng với đơn vị cm^2).</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc giờ (giờ hơn, giờ kém chính xác đến từng phút, đồng hồ kim và đồng hồ điện tử); Đọc lịch (loại lịch có ghi đủ ngày, tháng, tháng trong năm ...); Đo nhiệt độ (trong nhà, trong lớp học, nhiệt độ cơ thể) – Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100 000 đồng) với các tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu đọc, viết số chỉ mệnh giá). Bước đầu tập trao đổi, mua bán với các tờ tiền đã biết. <p>2/ Điểm nhấn về phương pháp dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hình thành biểu tượng về đại lượng. – Giới thiệu công cụ đo, đơn vị đo và liên hệ giữa các đơn vị đo. – Thực hành tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng. – Thực hành đo đạc, giải quyết vấn đề thực tế.
C. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
2.9.	<i>Một số yếu tố thống kê</i>	<p>1/ Tiếp tục làm quen với việc: Thu thập – kiểm đếm số liệu thống kê.</p> <p>Chú ý rèn luyện cho HS kỹ năng sử dụng “vạch kiểm” để kiểm đếm số liệu thống kê và tiến trình đi từ “kiểm” rồi mới “đếm” số liệu thống kê.</p> <p>2/ Biểu đồ tranh và bảng số liệu thống kê.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ôn tập, củng cố về biểu đồ tranh và cách đọc biểu đồ tranh. – Làm quen với Bảng số liệu thống kê (chỉ giới thiệu bảng đơn) với các yếu tố cơ bản của bảng như:

		+ Tên bảng: chỉ đối tượng thống kê; + Hàng trên: ghi tiêu chí thống kê; + Hàng dưới: ghi số liệu thống kê.
2.10.	<i>Một số yếu tố xác suất</i>	– Tiếp tục làm quen với việc sử dụng các từ “Chắc chắn – Có thể – Không thể” để mô tả khả năng xảy ra của một sự việc trong một trò chơi hay hoạt động nào đó. – Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (một lần) thí nghiệm đơn giản.

D. CÁC KIỂU BÀI HỌC

2.11.	<p>Căn cứ mục tiêu dạy học có thể xem xét các kiểu bài học trong SGK Toán 3, đó là:</p> <p>* <i>Bài mới</i>: Mục tiêu hình thành kiến thức, kỹ năng hoặc thuật toán, quy tắc mới.</p> <p>* <i>Bài Thực hành – Luyện tập</i> (bao gồm các dạng bài: Luyện tập, Luyện tập chung): Mục tiêu rèn luyện kỹ năng, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng đã học.</p> <p>* <i>Bài Ôn tập</i> (bao gồm các dạng bài: Ôn tập, Em ôn lại những gì đã học, Ôn tập chung): Mục tiêu ôn luyện, củng cố, vận dụng, phát triển những kiến thức, kỹ năng đã học.</p> <p>* <i>Em vui học Toán</i>: Đây là dạng bài được tổ chức thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm nhằm ôn tập, củng cố, thực hành vận dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn (có thể tổ chức ngoài giờ chính khóa).</p>
-------	---

2.2. Tinh giản, thiết thực

SGK Toán 3 (Cánh Diều) thực hiện giảm tải, thể hiện tập trung ở một số nội dung, chẳng hạn:

a) Bảng nhân, chia từ 2 đến 9

– Giới thiệu bảng nhân, chia như một công cụ để tính, không yêu cầu HS phải học thuộc ngay các bảng này bằng cách cho phép sử dụng Bảng (như một máy tính cầm tay) trong tính toán. Điều này giúp HS giảm nhẹ hoạt động «học thuộc lòng». Đích đạt đến là HS nắm chắc các bảng nhân, chia từ 2 đến 9.

– Về kỹ thuật tính: Chia làm hai chặng là tính “trong bảng” và tính “ngoài bảng” rồi mới đề cập đến việc vận dụng các bảng nhân (chia) trong giải toán. Như vậy, việc học kỹ năng thực hành tính nhân (chia) được “dẫn” ra, giảm nhẹ cho HS độ khó, độ phức tạp khi học kỹ thuật tính.

– SGK hiện hành dạy gộp vào 1 cụm chung:

+ Bảng nhân 6 (nhân trong bảng). Nhân số có hai chữ số với một chữ số (không nhớ, có nhớ) (nhân ngoài bảng). Vận dụng vào giải toán.

+ Bảng chia 6 (chia trong bảng). Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (chia ngoài bảng). Vận dụng vào giải toán.

+ Bảng nhân (chia) 7: như một bước đệm luyện tập củng cố.

+ Bảng nhân (chia) 8, 9: trong bảng; ngoài bảng (chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số); giải toán.

b) Một phần hai, một phần ba, một phần tư, một phần năm, một phần sáu, một phần bảy, một phần tám, một phần chín

Lần đầu tiên HS làm quen với phân số thông qua hình ảnh trực quan. Tuy nhiên, với việc tìm một phần “toàn thể” trong đó “toàn thể” là một nhóm các đối tượng (đồ vật), vẫn giới thiệu cho HS tìm cách giải quyết bài toán thông qua thao tác trực quan chưa nhấn mạnh kỹ thuật sử dụng phép chia.

c) Tìm thành phần chưa biết của phép tính

Không yêu cầu “ngầm” giới thiệu yếu tố đại số, tìm x, tìm y. Không yêu cầu HS trình bày lời giải theo thuật toán giải phương trình.

d) Đo lường

Ở lớp 3, hoàn thành tất cả các đơn vị đo độ dài, nhưng không dạy bảng đơn vị đo độ dài. Cần đơn vị nào học đơn vị đó và ứng dụng được, không cần phải học những đơn vị không dùng đến. Khi học bất cứ đơn vị nào thì cần thiết lập được mối quan hệ với các đơn vị đã học.

2.3. Quán triệt tinh thần “Mang cuộc sống vào bài học, đưa bài học vào cuộc sống”

a) Nội dung thực tế có thể lấy làm chất liệu để tích hợp, là những nội dung liên quan đến:

i/ Sinh hoạt, học tập hằng ngày của cá nhân ở gia đình, nhà trường, cộng đồng như: học, chơi thể thao, sinh hoạt Đội, tham quan dã ngoại, hoa quả, ăn uống, uống thuốc, hội sách, bàn học thông minh, nhiệt độ hằng ngày, tương cà, mắm muối, album mới của một ban nhạc.

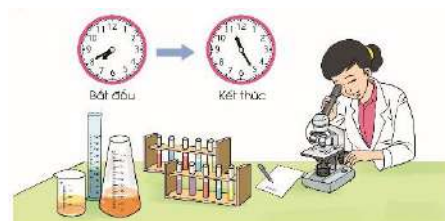
ii/ Liên quan đến văn hóa – lịch sử – địa lí; kinh tế – xã hội của địa phương, của đất nước như: Mèo Vạc, đường sắt Hà Nội – Lào Cai, đường sắt Bắc Nam, Khải Hoàn Môn (Pa-ri), nuôi ong ở Tân Sơn (Phú Thọ), long nhãn Hưng Yên.

iii/ Biển đảo: cây phong ba, cây bàng vuông ở Trường Sa, bảo tàng sinh vật biển.

iv/ Công – nông nghiệp hiện đại: rô-bốt lau kính, cây trồng trong nhà kính, siêu thị, logistic (kho tàng bến bãi vận chuyển hàng hoá).

b) *Cách tích hợp:* Nội dung thực tế có thể lấy làm chất liệu cho các bài tập, tình huống luyện tập, thực hành hoặc đưa vào nội dung của phần vận dụng thực tiễn trong mỗi bài học.

Dưới đây là một số hình ảnh minh họa:



Hiện nay, Việt Nam đã có những chuyến bay thẳng từ Thủ đô Hà Nội đến nhiều thủ đô của các quốc gia khác. Để bay thẳng từ Thủ đô Hà Nội đến Thủ đô Pa-ri của nước Pháp, máy bay phải vượt qua quãng đường dài khoảng 9 190 km. Em hãy làm tròn độ dài quãng đường này đến hàng nghìn.



Thủ đô Pa-ri của nước Pháp
(Nguồn: <https://pixabay.cc>)



Cầu Cần Thơ nối liền thành phố Cần Thơ với tỉnh Vĩnh Long dài: 2 750 m



Cầu Nhật Tân ở thành phố Hà Nội dài: 3 900 m



Cầu Long Biên ở thành phố Hà Nội dài: 2 290 m



Cầu Bạch Đằng nối hai tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng dài: 3 054 m

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org/>)



3. Dự kiến Khung phân phối Chương trình Toán 3

Khung phân phối chương trình (PPCT) dự kiến sau đây quy định thời lượng dạy học cho từng chủ đề, từng bài học trong SGK Toán 3. Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng cho các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Căn cứ Khung PPCT, các trường có thể điều chỉnh thời lượng dạy học cho từng chủ đề, từng bài học để có được kế hoạch giáo dục phù hợp. Đối với trường chỉ dạy học 1 buổi/ngày cũng có thể tham khảo Khung PPCT này.

STT	Tên chủ đề/bài học	Số tiết
HỌC KÌ I (5 tiết \times 18 tuần = 90 tiết)		
Chủ đề 1: Bảng nhân, bảng chia		48
§1	Ôn tập về các số trong phạm vi 1 000	1
§2	Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1 000	2
§3	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§4	Mi-li-mét	2
§5	Ôn tập về phép nhân, bảng nhân 2, bảng nhân 5	1
§6	Bảng nhân 3	2
§7	Bảng nhân 4	2
§8	Bảng nhân 6	2
§9	Gấp một số lên một số lần	1
§10	Bảng nhân 7	2
§11	Bảng nhân 8	2
§12	Bảng nhân 9	2
§13	Luyện tập	1
§14	Luyện tập (tiếp theo)	1
§15	Gam	2
§16	Ôn tập về phép chia, bảng chia 2, bảng chia 5	1
§17	Bảng chia 3	2
§18	Bảng chia 4	2
§19	Bảng chia 6	2
§20	Giảm một số đi một số lần	1
§21	Bảng chia 7	2
§22	Bảng chia 8	2
§23	Bảng chia 9	2
§24	Luyện tập	1

STT	Tên chủ đề/bài học	Số tiết
§25	Luyện tập (tiếp theo)	1
§26	Một phần hai. Một phần tư	1
§27	Một phần ba. Một phần năm. Một phần sáu	1
§28	Một phần bảy. Một phần tám. Một phần chín	1
§29	Em ôn lại những gì đã học	2
§30	Em vui học Toán	2
Chủ đề 2: Nhân, chia các số trong phạm vi 1 000		41
§31	Nhân số tròn chục với số có một chữ số	1
§32	Nhân với số có một chữ số (không nhớ)	1
§33	Luyện tập	1
§34	Phép chia hết. Phép chia có dư	2
§35	Chia số tròn chục, tròn trăm cho số có một chữ số	1
§36	Chia cho số có một chữ số	1
§37	Luyện tập	1
§38	Luyện tập chung	1
§39	So sánh số lớn gấp mấy lần số bé	2
§40	Giải bài toán có đến hai bước tính	2
§41	Làm quen với biểu thức số	1
§42	Tính giá trị của biểu thức số	1
§43	Tính giá trị của biểu thức số (tiếp theo)	1
§44	Tính giá trị của biểu thức số (tiếp theo)	1
§45	Luyện tập chung	2
§46	Mi-li-lít	2
§47	Nhiệt độ	1
§48	Góc vuông. Góc không vuông	2
§49	Hình tam giác. Hình tứ giác	1
§50	Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác	2
§51	Hình chữ nhật	1
§52	Hình vuông	1
§53	Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông	2
§54	Em ôn lại những gì đã học	2
§55	Em vui học Toán	2
§56	Ôn tập về phép nhân, phép chia trong phạm vi 1 000	2

STT	Tên chủ đề/bài học	Số tiết
§57	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§58	Ôn tập chung	2
HỌC KÌ II (5 tiết × 17 tuần = 85 tiết)		
Chủ đề 3: Các số trong phạm vi 100 000		31
§59	Các số trong phạm vi 10 000	2
§60	Các số trong phạm vi 10 000 (tiếp theo)	2
§61	Làm quen với chữ số La Mã	1
§62	Các số trong phạm vi 100 000	2
§63	Các số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§64	So sánh các số trong phạm vi 100 000	2
§65	Luyện tập	1
§66	Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng	1
§67	Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính	1
§68	Vẽ trang trí hình tròn	1
§69	Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm	1
§70	Làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	2
§71	Luyện tập chung	2
§72	Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương	1
§73	Thực hành xem đồng hồ	2
§74	Thực hành xem đồng hồ (tiếp theo)	2
§75	Tháng – Năm	2
§76	Em ôn lại những gì đã học	2
§77	Em vui học Toán	2
Chủ đề 4: Cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000		53
§78	Phép cộng trong phạm vi 100 000	2
§79	Phép trừ trong phạm vi 100 000	2
§80	Tiền Việt Nam	1
§81	Nhân với số có một chữ số (không nhớ)	1
§82	Nhân với số có một chữ số (có nhớ)	2
§83	Luyện tập	2
§84	Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000	1
§85	Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§86	Luyện tập	2

STT	Tên chủ đề/bài học	Số tiết
§87	Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§88	Luyện tập	2
§89	Luyện tập chung	2
§90	Tìm thành phần chưa biết của phép tính	2
§91	Tìm thành phần chưa biết của phép tính (tiếp theo)	2
§92	Luyện tập chung	2
§93	Diện tích một hình	1
§94	Đơn vị đo diện tích. Xăng-ti-mét vuông	2
§95	Diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình vuông	2
§96	Luyện tập chung	2
§97	Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê	2
§98	Bảng số liệu thống kê	2
§99	Khả năng xảy ra của một sự kiện	1
§100	Em ôn lại những gì đã học	2
§101	Em vui học Toán	2
§102	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000	2
§103	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	2
§104	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§105	Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất	2
§106	Ôn tập chung	2

Lưu ý: Tổng cộng là 173 tiết, nhà trường chủ động sử dụng 2 tiết còn lại cho hoạt động kiểm tra và đánh giá.

Học kì I: 90 tiết; Học kì II: 85 tiết; Tổng cộng: 175 tiết được bố trí trong 106 bài học.


Cấu trúc mỗi bài học bao gồm các thành phần cơ bản: *Mở đầu*, *Hình thành kiến thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng* và được thiết kế theo tinh thần kết nối chặt chẽ giữa hoạt động học lí thuyết với hoạt động thực hành, luyện tập.

Mở đầu

Hình thành kiến thức mới

Luyện tập

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (CƠ NHỚ)



Đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 1\ 325 \\ \times 3 \\ \hline 3\ 975 \end{array}$$

Vậy $1\ 325 \times 3 = 3\ 975$

Tính $1\ 325 \times 3 = ?$

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5, nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 1\ 114 \\ \times 8 \\ \hline ? \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính:

$$438 \times 2$$

$3\ 293 \times 3$

$34\ 723 \times 2$

$28\ 102 \times 4$

$1\ 911 \times 5$

$7\ 101 \times 6$

$12\ 051 \times 4$

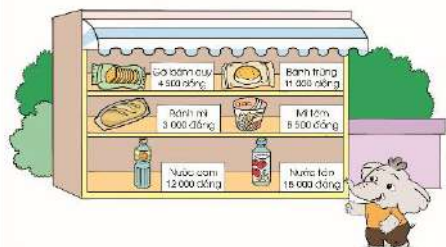
3 Tính nhẩm (theo mẫu):

Mẫu: $12\ 000 \times 4 = ?$
 Nhẩm: 12 nghìn $\times 4 = 48$ nghìn
 Vậy $12\ 000 \times 4 = 48\ 000$

4 Số ?

Số đã cho	1 321	324	2 281	10 023
Đáp số đã cho lên 2 lần	2 642	?	?	?
Đáp số đã cho lên 3 lần	3 983	?	?	?

5 Chọn một mặt hàng em muốn mua ở bức tranh sau rồi tính xem nếu mua một hàng đó với số lượng là 5 thì cần trả bao nhiêu tiền.



Luyện tập

Vận dụng

Cuối mỗi chủ đề có dạng bài **“Em vui học Toán”** nhằm dành thời gian cho HS được tham gia các HĐ thực hành và trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán vào thực tiễn cuộc sống. Ví dụ: Xem trang 65, 66 – Toán 3, tập 1.

**HỌC VUI
VUI HỌC**

EM VUI HỌC TOÁN

1 a) Thảo luận nhóm để thiết kế một công cụ học nhân, chia thú vị.



b) Thiết kế một lời nhân để nhắc các bạn chú ý khi thực hiện nhân, chia với số 0, số 1.

2 Góc sáng tạo: Một phần mảy của tôi.



3 Thực hiện các hoạt động sau:

- Chuẩn bị một tờ giấy có kẻ ô vuông. Oằn từ 11 để chọn ra người chơi trước.
- Gieo quân xúc xắc và đọc số chấm xuất hiện.
- Đánh dấu số ô vuông là kết quả của phép nhân có một thừa số là số chấm vừa xuất hiện với một số nào đó (từ 1 đến 9).
- Sau một số lượt chơi, ai chọn được các ô vuông mà phủ kín tờ giấy hơn thì thắng cuộc.



4 Thực hành: Đo chiều cao và ghi số đo chiều cao của các bạn trong nhóm em (theo mẫu).



III. GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA SGK TOÁN 3 (CÁNH DIỀU)

1. Hệ thống sách và các tài liệu tham khảo bổ trợ (in giấy)

Sách bổ trợ (in giấy) bao gồm: Sách giáo viên (dành cho GV), Vở bài tập (dành cho HS), tài liệu tham khảo thiết yếu.

a) Sách giáo viên

Toán 3 – Sách giáo viên được biên soạn trên tinh thần quán triệt yêu cầu cần đạt của CT môn Toán lớp 3, có tính đến những nét đặc thù trong dạy học ở các điều kiện khác nhau. Để giúp GV giảm nhẹ áp lực khi soạn bài, cũng như khi dạy học trên lớp, khuyến khích GV sử dụng (trong soạn giáo án cá nhân) toàn bộ hay một phần các kịch bản được nêu trong phần “Hướng dẫn tổ chức dạy học từng bài” trong **Toán 3 – Sách giáo viên**.

b) Vở bài tập

Vở bài tập Toán 3 được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 3; giúp các em HS lớp 3 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các HĐ dạy học theo hướng thiết kế các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong SGK Toán 3 (Cánh Diều), nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho HS trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn HS làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong SGK Toán 3 (Cánh Diều).

2. Tài liệu tham khảo thiết yếu (in giấy)

Bao gồm: Bài tập Toán 3; Phiếu thực hành cuối tuần Toán 3; Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 3.

a) Bài tập Toán 3

Sách **Bài tập Toán 3** cung cấp cho HS và GV hệ thống bài tập/hoạt động thực hành với đầy đủ dạng loại, tương thích về độ khó và mức độ yêu cầu nêu trong SGK Toán 3 (Cánh Diều). Đồng thời có thiết kế hệ thống bài tập giúp HS kết nối kiến thức, tạo cơ hội hình thành và phát triển NL, tạo hứng thú học tập môn Toán.

Sách sẽ giúp các em HS tự học, luyện tập ở lớp, ở nhà; hỗ trợ các thầy cô giáo và phụ huynh HS thuận lợi hơn khi tổ chức các HĐ dạy học, cũng như giúp đỡ HS học tập môn Toán.

b) Phiếu thực hành cuối tuần Toán 3

Phiếu thực hành cuối tuần Toán 3 được biên soạn tương thích với Kế hoạch học theo từng tuần được bố trí trong SGK Toán 3 (Cánh Diều). Sách cung cấp tư liệu để HS tự đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ, tạo điều kiện để thầy cô giáo và cha mẹ HS đánh giá sự tiến bộ của HS.

c) Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 3

Sách **Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 3** được biên soạn *tương thích* với *Kế hoạch dạy học theo từng tuần* bố trí trong SGK Toán 3 (Cánh Diều). Sách cung cấp cho GV tài liệu củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng thực hành giải quyết vấn đề của HS, đặc biệt khi thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.

Đồng thời, để bảo đảm tính tích hợp, tính phân hoá trong dạy học bộ môn Toán nội dung mỗi tuần được thể hiện trong các phần: *Bài tập cơ bản* và *Bài tập nâng cao*.

3. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Về cơ bản, thiết bị và đồ dùng dạy học môn Toán lớp 3 phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Toán 3 (Cánh Diều).

4. Học liệu điện tử

Khai thác thế mạnh của công nghệ thông tin để tăng hiệu quả của nội dung sách giấy (tương tác hoá, hoạt hoá) điều mà sách giấy không truyền tải được. GV chỉ cần tải về một lần và sử dụng cả trong điều kiện không có kết nối Internet.

Học liệu điện tử bao gồm các dạng sau:

– *Phiên bản điện tử của SGK giấy bao gồm:*

+ Các video hoạt hình hoá nội dung, tăng khả năng tương tác.

+ Các bài tập sử dụng công nghệ thông tin tạo ra sự tương tác giữa sách với người học, có khả năng hồi đáp – đánh giá kết quả làm bài tập của người học; hỗ trợ GV, HS, phụ huynh HS trong quá trình dạy và học SGK Toán 3 (Cánh Diều).

+ Các học liệu điện tử thể hiện tường minh hóa các thao tác nhằm giúp GV và HS rèn luyện các kỹ năng thực hành đơn giản, thuận tiện theo hướng hình thành và phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán. Tháo gỡ những khó khăn cho HS và GV khi thao tác với các công cụ học toán thông thường như ê ke, compa, ...

Ví dụ, với học liệu điện tử “compa”, HS dễ dàng học được cách sử dụng compa để vẽ đường tròn; với chiếc “ê ke” điện tử, HS dễ dàng nhận biết các thao tác xoay, lật, phóng to, thu nhỏ, di chuyển đến các vị trí khác nhau để kiểm tra góc vuông, góc không vuông. Với học liệu điện tử “Vòng xoay ngẫu nhiên”, GV và HS có thể sử dụng vòng xoay này để học các bài học về một phần mấy, chơi các trò chơi để củng cố bảng nhân, bảng chia và cảm nhận tính ngẫu nhiên khi học một số yếu tố về xác suất.

– *Tư liệu bài giảng dành cho GV:* thiết kế bài giảng tương ứng với từng kiểu bài dạy học, các tài liệu hỗ trợ để GV có thể tham khảo khi dạy học.

– *Tài liệu tập huấn, bài tập bổ trợ:* để GV, HS tham khảo.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3 (CÁNH DIỀU)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Khi chuẩn bị thiết kế kế hoạch bài học (soạn giáo án) theo hướng tiếp cận NL, GV cần thực hiện các bước sau:

Bước 1. Nghiên cứu bài học

GV nghiên cứu bài học để xác định mục tiêu về kiến thức, năng lực, phẩm chất của HS được hình thành, rèn luyện sau khi học xong bài học (Cần trả lời các câu hỏi: HS có được những kiến thức, năng lực, phẩm chất gì sau khi học bài này?; HS đã có được những kiến thức nào, vốn kinh nghiệm thực tiễn gì liên quan đến bài học?). Từ đó, xác định được kiến thức trọng tâm và dự kiến các hoạt động học tập của HS.

Khi xác định mục tiêu, GV cần dựa vào chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học và kết quả nghiên cứu bài học. Khi viết mục tiêu bài học, GV cần sử dụng các động từ đo được như: trình bày, phát biểu, xác định, phân tích, giải thích, so sánh, vận dụng, ... Ngoài ra, GV cần trả lời câu hỏi: HS vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn như thế nào?

Bước 2. Thiết kế các hoạt động học tập

GV cần dự kiến các hoạt động học tập của HS khi nghiên cứu bài học, các hoạt động thường là: hoạt động trải nghiệm (gồm trải nghiệm kiến thức cũ hoặc trải nghiệm bằng vốn sống của HS); hoạt động phân tích và rút ra bài học; hoạt động thực hành luyện tập; hoạt động củng cố, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Bước 3. Thiết kế kế hoạch bài học (giáo án)

Nội dung của bản Kế hoạch bài học có thể như sau:

Ngày tháng năm	
Toán 3. Tiết	TÊN BÀI
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	
1. Kiến thức, kỹ năng	
2. Năng lực, phẩm chất	
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC	
– Giáo viên	
– Học sinh	
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU	
A. Hoạt động khởi động	
B. Hoạt động hình thành kiến thức	
C. Hoạt động thực hành, luyện tập	
D. Hoạt động vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY	

II. BÀI SOẠN MINH HOẠ

81. NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (không nhớ)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (không nhớ).
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số (không nhớ) trong phạm vi 100 000.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện”:

- HS chơi ôn lại các phép nhân trong các bảng nhân. GV treo bảng nhân (2 lối vào, SGK trang 32, tập 1) để kiểm tra kết quả nhanh và hướng dẫn HS dùng bảng tra nhanh kết quả nếu không nhớ các phép nhân trong bảng.
- HS lên bảng thực hiện phép tính nhân số có hai chữ số, ba chữ số với số có một chữ số (không nhớ), ở dưới lớp HS thực hiện ra giấy nháp và chia sẻ với bạn cách thực hiện.

Ví dụ: Đặt tính rồi tính

$$13 \times 2$$

$$112 \times 4$$

- Từ những ví dụ HS vừa thực hiện GV viết thêm số để thành phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số, HS khám phá cách thực hiện tương tự.

Ví dụ: Đặt tính rồi tính

$$1\,323 \times 2$$

$$11\,212 \times 4$$

2. HS quan sát tranh, nêu phép tính tìm số thân cây sen để làm 2 chiếc khăn tơ sen: HS tính $4\,312 \times 2 = ?$

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $4\,312 \times 2 = ?$

- HS thảo luận cách đặt tính và tính
- Đại diện nhóm nêu cách làm.
- GV chốt lại các bước thực hiện tính $4\,312 \times 2 = ?$

+ Đặt tính: Viết 4 312, viết số 2 dưới số 4 312 sao cho hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị.

+ Thực hiện tính lần lượt từ phải sang trái:

$$\begin{array}{r} 4\ 312 \\ \times \quad 2 \\ \hline 8\ 624 \end{array}$$

- 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.
- 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.
- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.

GV nhấn mạnh để HS hiểu:

- Lần 1, nhân với đơn vị: 2 nhân 2, được 4 viết 4 thẳng hàng đơn vị.
- Lần 2, nhân với chục: 2 nhân 1 được 2, viết 2 thẳng hàng chục.
- Lần 3, nhân với trăm: 2 nhân 3 được 6, viết 6 thẳng hàng trăm.
- Lần 4, nhân với nghìn: 2 nhân 4 được 8, viết 8 thẳng hàng nghìn.

+ Viết kết quả: $4\ 312 \times 2 = 8\ 624$.

Lưu ý: GV không cần viết lời tính lên bảng. GV nêu một phép tính khác HS thực hiện trên bảng con, chẳng hạn $2\ 132 \times 3 = ?$

2. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện và nói cho bạn nghe cách làm.

Lưu ý: GV đặt câu hỏi để HS hiểu trong từng thao tác nhân ở trên, ta đã lấy 2 nhân với 2 đơn vị được 4 nên 4 viết thẳng hàng đơn vị. Tiếp tục, 2 nhân với 1 chục được 2 chục, nên 2 viết thẳng hàng chục. Tiếp theo, 2 nhân với 3 trăm được 6 trăm nên 6 viết thẳng hàng trăm, cuối cùng 2 nhân với 4 nghìn được 8 nghìn, nên 8 viết thẳng hàng nghìn.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện:

- Tính rồi viết kết quả phép tính.
- Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- Nhắc lại cách nhân lần lượt từ phải sang trái, viết kết quả thẳng hàng.

Bài 2

- HS đặt tính rồi tính.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Lưu ý: Nếu có thời gian, GV có thể tổ chức cho HS tự lấy ví dụ về phép nhân (không nhớ) trong phạm vi 100 000 và đổi bạn thực hiện.

Bài 3

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời bài toán đặt ra và giải thích tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở:

Bài giải

Số mi-li-lít nước dứa chị Lan ép được từ 8 quả dứa là:

$$200 \times 8 = 1\,600 \text{ (ml)}$$

Đáp số: 1 600 ml nước dứa.

- HS kiểm tra lại phép tính đã đúng chưa? Câu trả lời đã phù hợp chưa. Dạng toán này cần chú ý gì khi thực hiện.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, GV có thể tạo cơ hội cho HS vận dụng cách nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số không nhớ bằng cách thay đổi dữ liệu hoặc phép tính của bài toán. Chẳng hạn: Mỗi bình nước ép dứa đựng 2 020 ml. Hỏi 4 bình nước ép dứa như vậy đựng tất bao nhiêu mi-li-lít nước ép dứa?

D. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép nhân đã học rồi chia sẻ với cả lớp.

(*) Củng cố, dặn dò

- GV hỏi HS: Hôm nay các em biết thêm được điều gì?
- Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?
- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

🔍 CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ VÀ LÀM BÀI THU HOẠCH

1. Phân tích một số điểm mới trong SGK Toán 3 (Cánh Diều).
2. Thầy/cô hãy lựa chọn một nội dung trong SGK Toán 3 (Cánh Diều) và soạn bài dạy (thiết kế kế hoạch bài học) cho nội dung đó.
3. Phân tích các phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá HS dự kiến sẽ sử dụng trong kế hoạch bài học đã thực hiện ở câu 2.